

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2024

CTCP Tập đoàn Đầu tư ATS

Ngày 28/06/2024	12,100 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-1.6%	45.8%	-

DT thuần Q2/24
12.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.30 12.2%
YoY: ▲ 0.90 8.2%

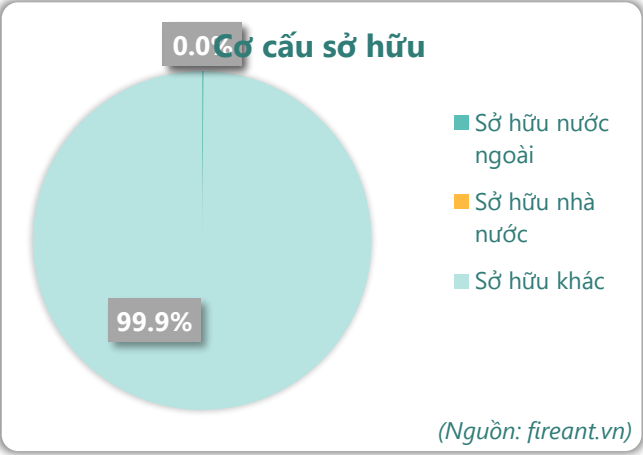
LN thuần Q2/24
0.36
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.11 42.4%
YoY: ▲ 0.28 345%

LN sau thuế Q2/24
0.06
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.06
YoY: ▼0.02 -26.1%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/24
1.1%
YoY: +/-▲ 0.6%

ROE (TTM) Q2/24
0.4%
YoY: +/-▼ 0.0%

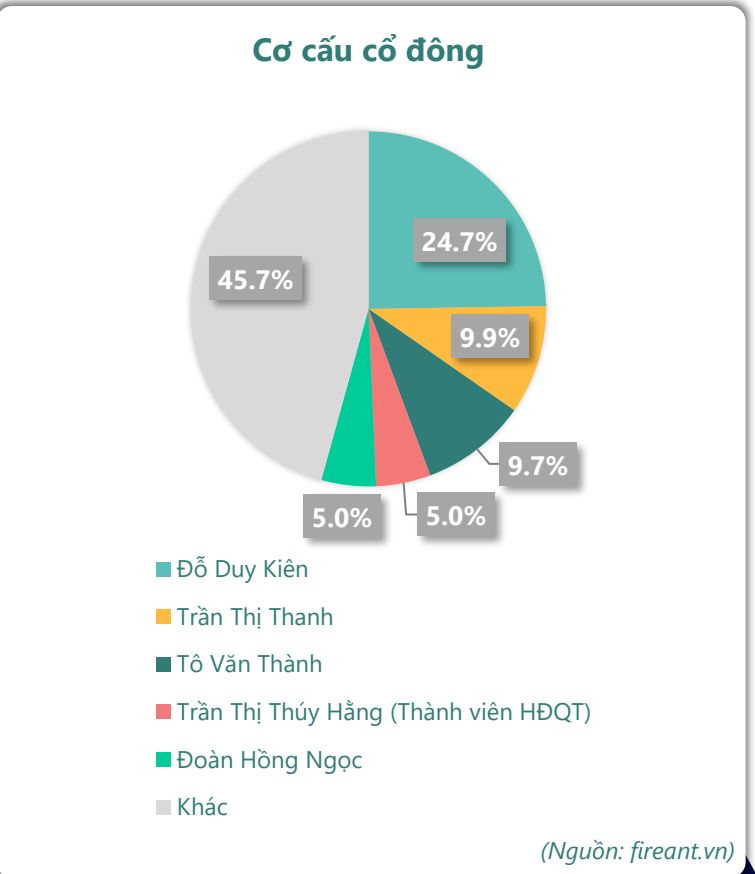
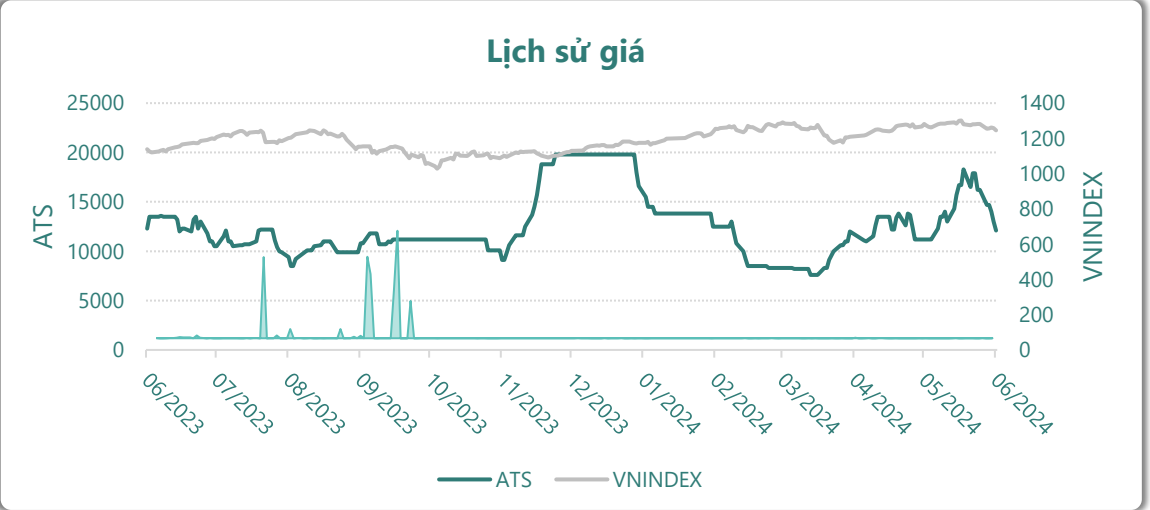
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	7,600 - 19,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	42
Số lượng CPLH (CP)	3,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,490
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	(0.46)
EPS	52
P/E	231.9



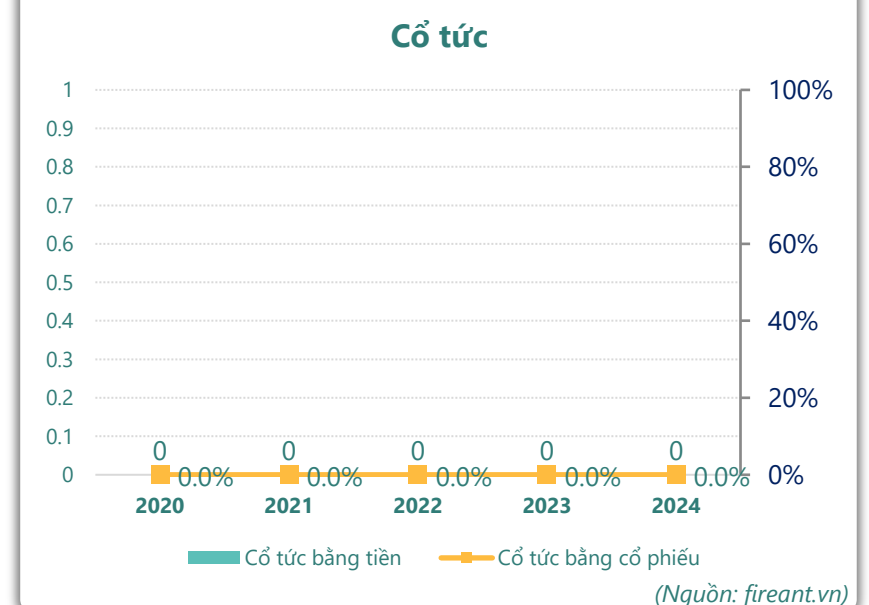
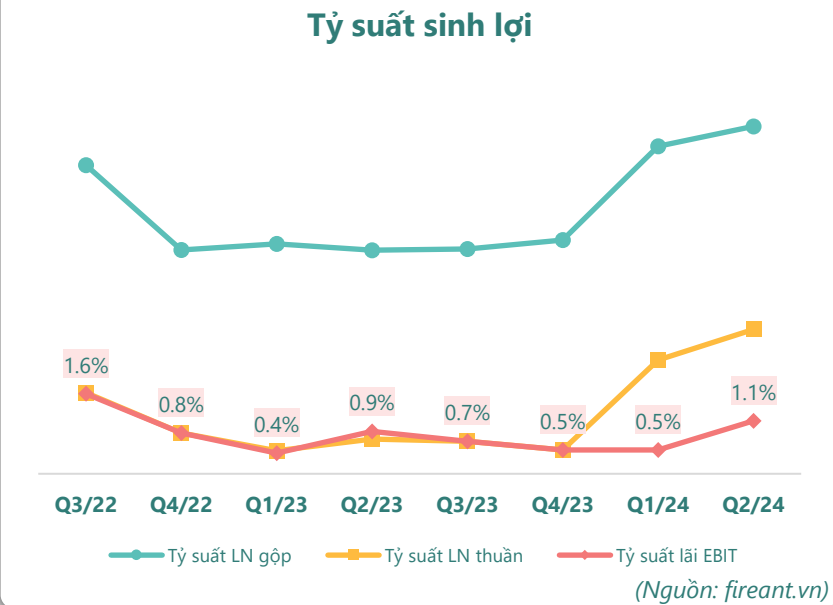
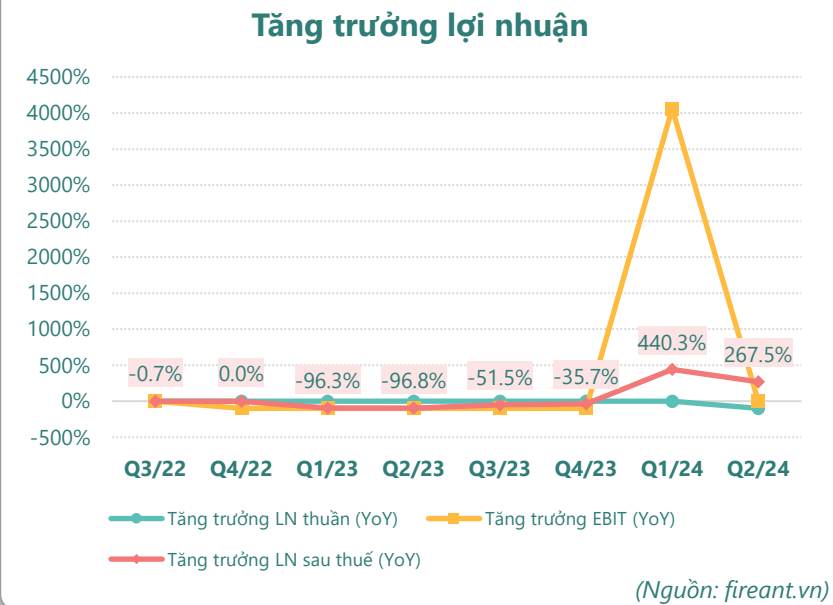
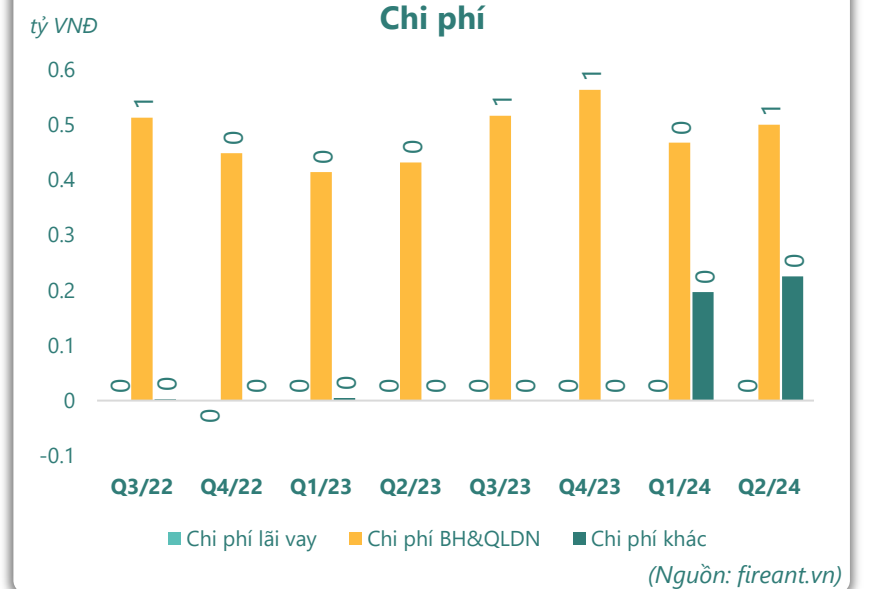
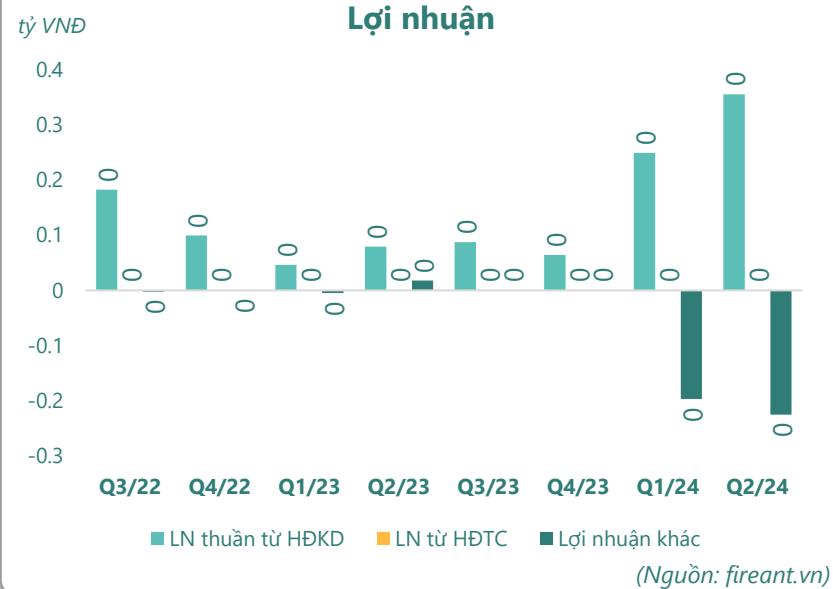
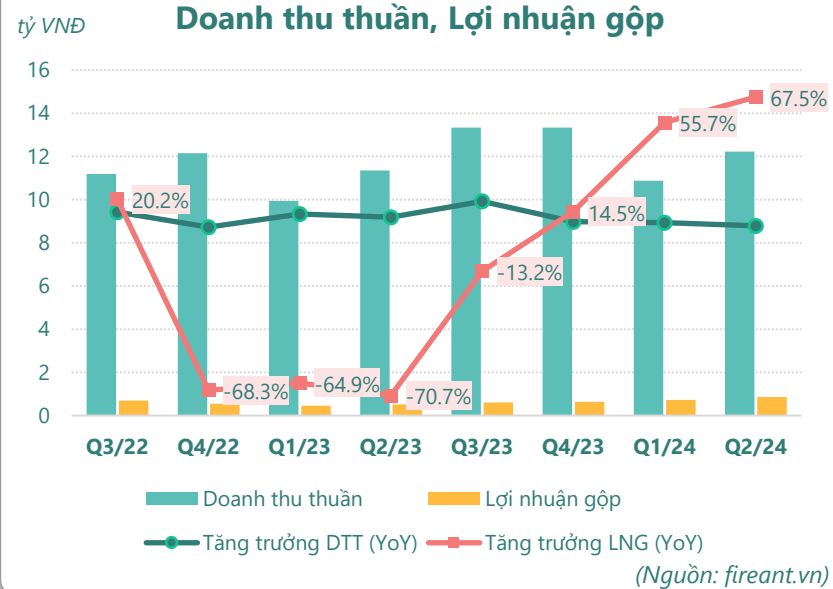
DT thuần 6T 2024
23.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.80 8.6%

LN thuần 6T 2024
0.61
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.48 383%

LN sau thuế 6T 2024
0.06
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.05 -44.0%



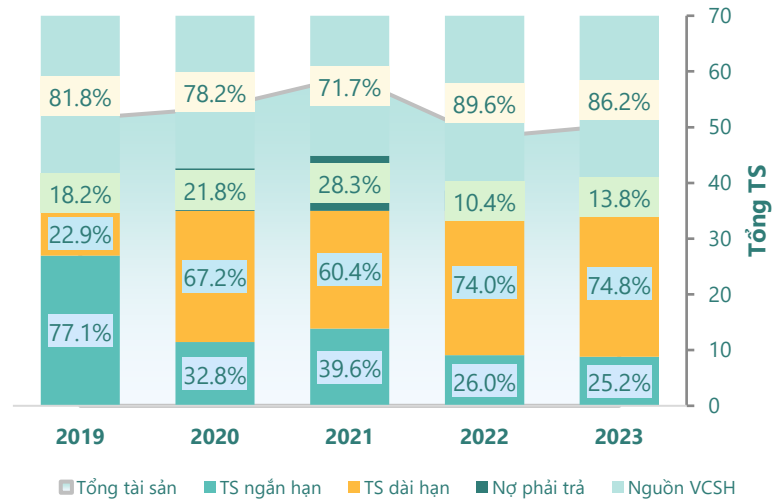
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

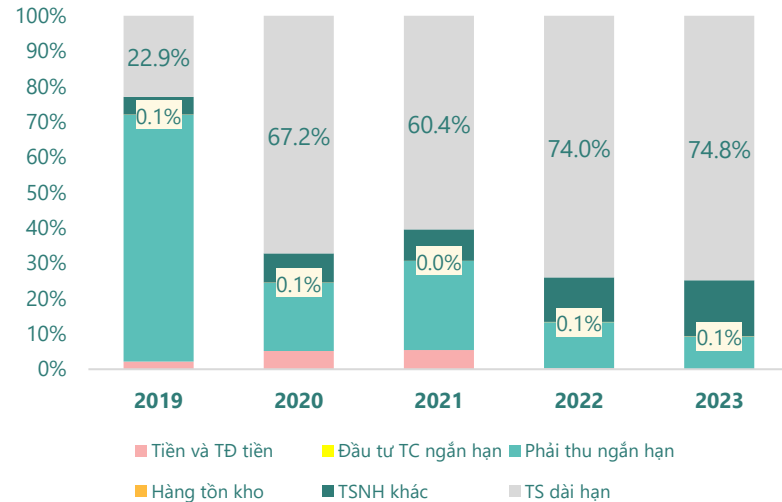
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

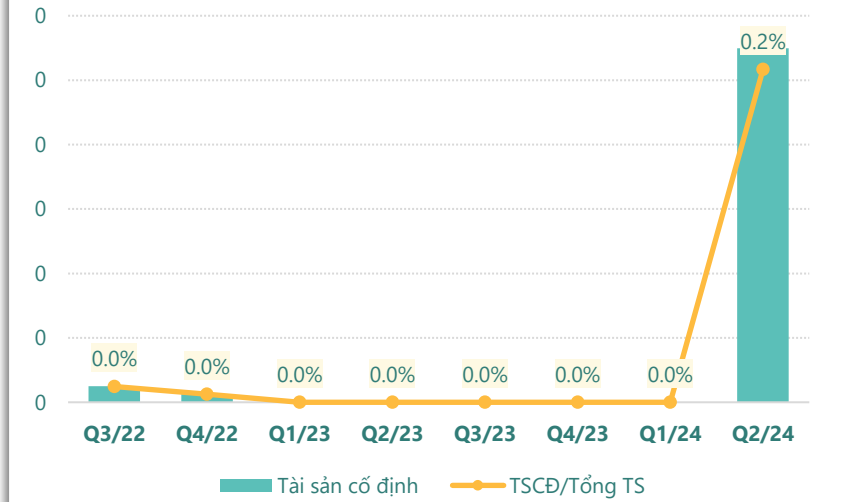
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

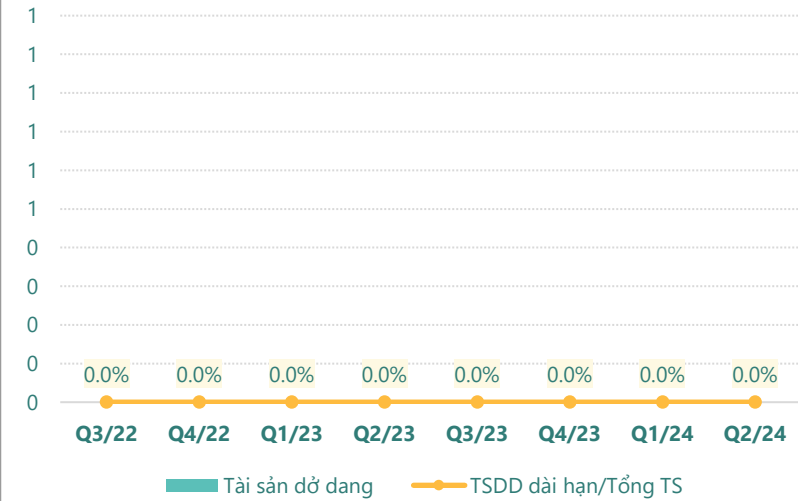
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

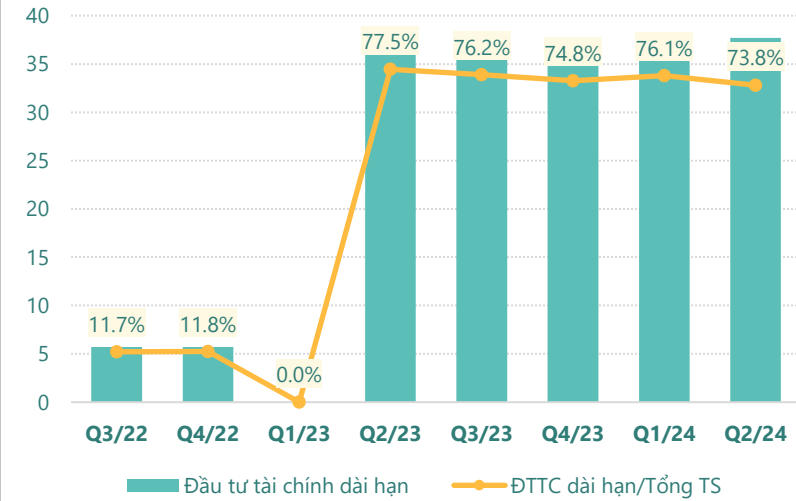
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

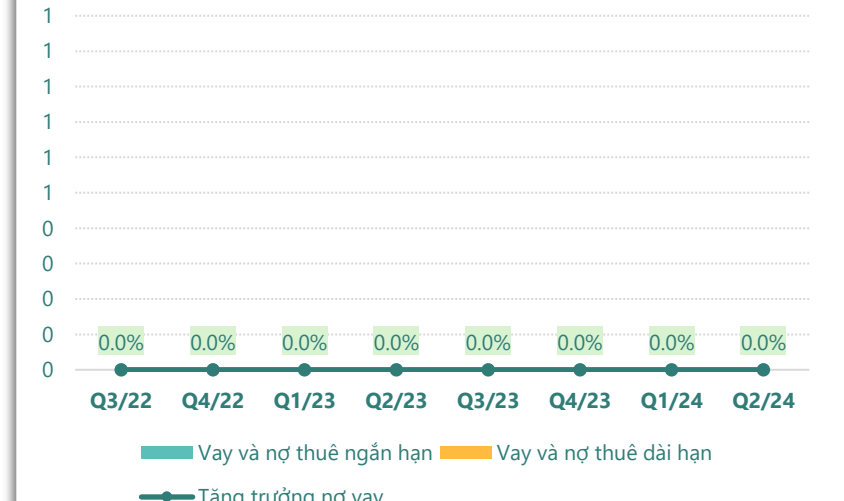
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

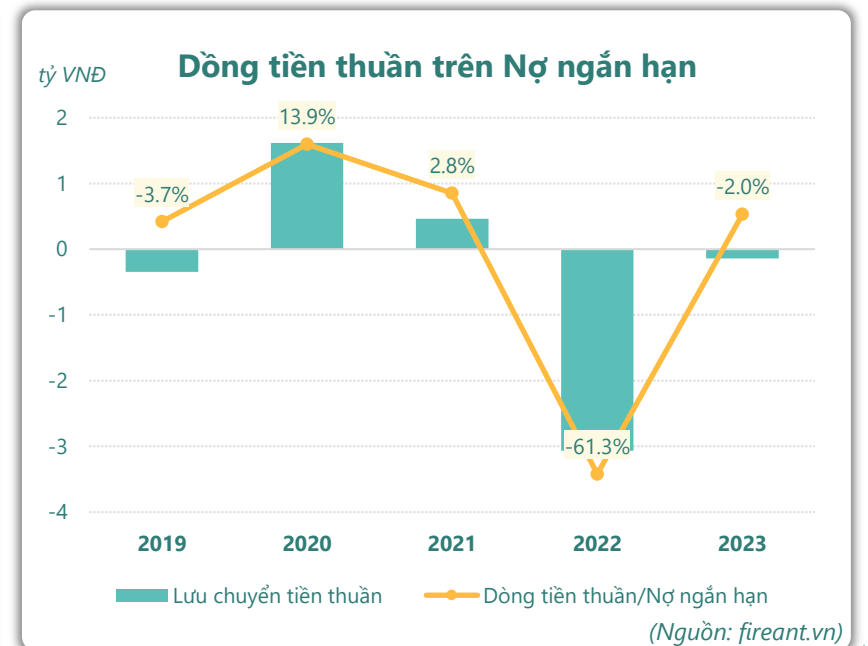
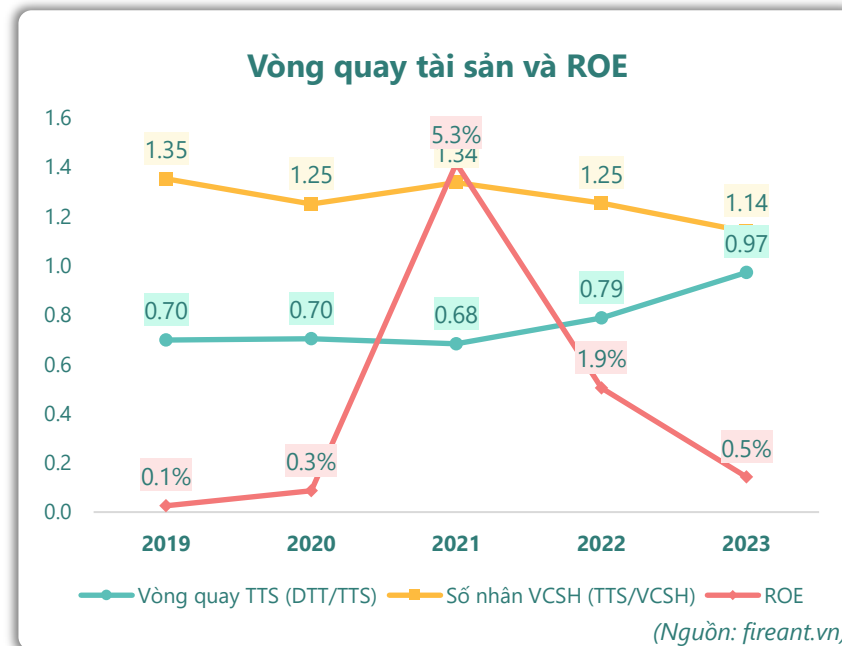
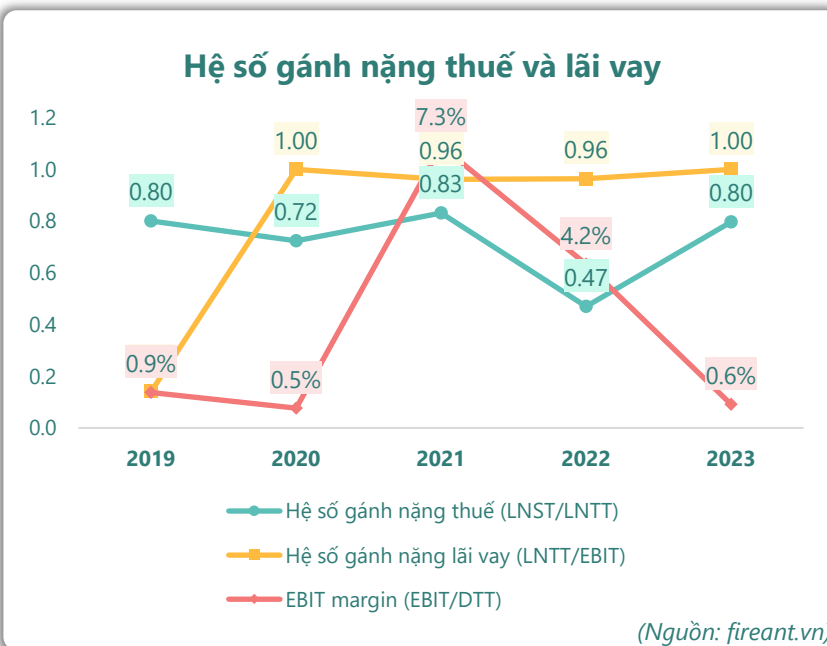
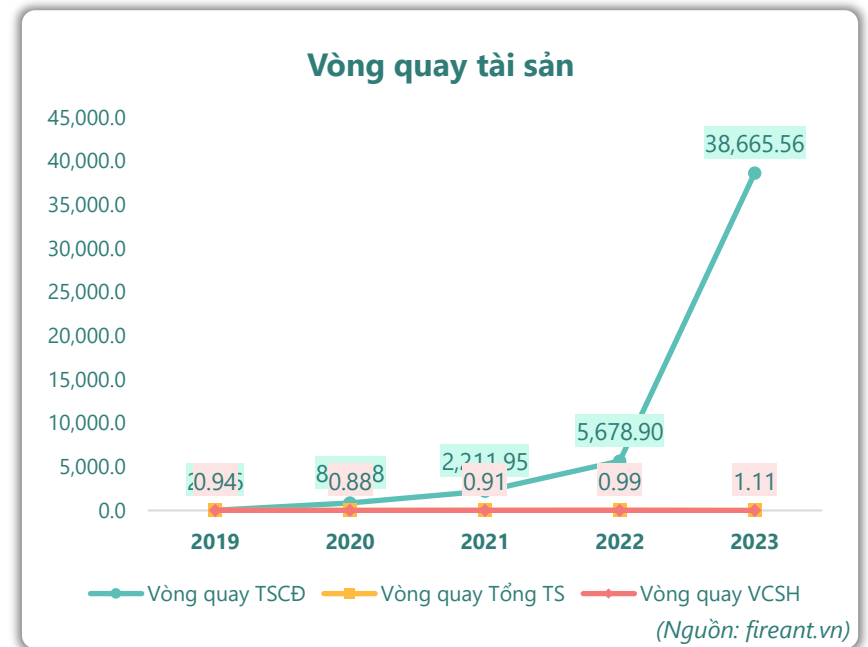
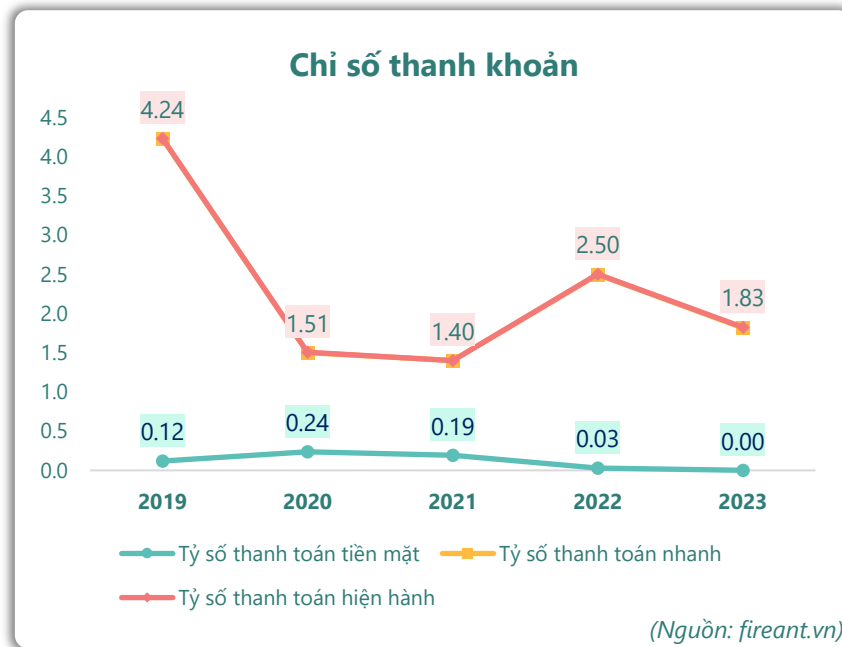
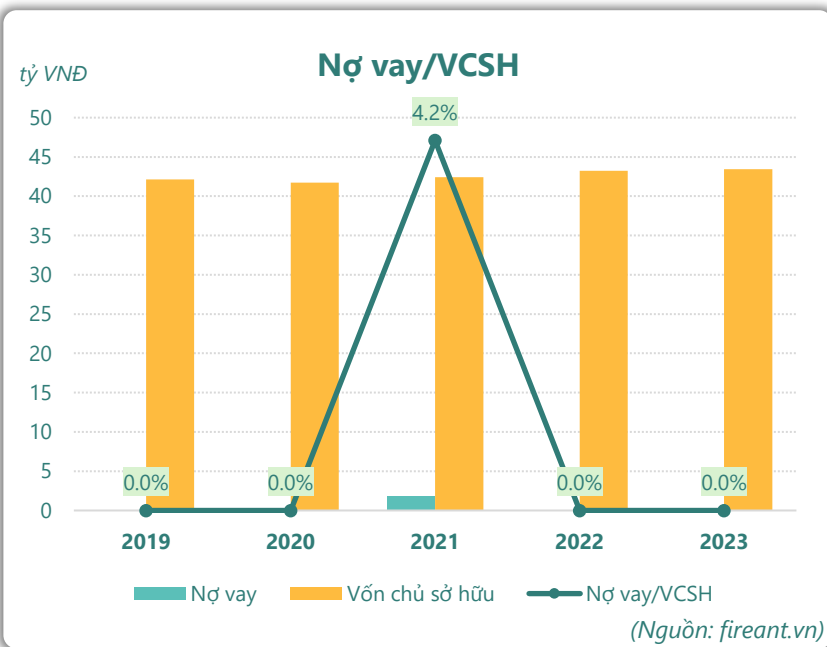
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	12.2	11.3	8.2%	23.1	21.3	8.6%
Giá vốn hàng bán	11.4	10.8	5.3%	21.5	20.3	6.0%
Lợi nhuận gộp	0.86	0.51	68.0%	1.57	0.97	61.9%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.00	-72.0%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.85	-100%	0	0.85	-100%
Chi phí QLDN	0.50	-0.42	219%	0.97	0	
LN thuần từ HĐKD	0.36	0.08	345%	0.61	0.13	383%
Lợi nhuận khác	-0.23	0.02	-1228%	-0.42	0.01	-3368%
LN trước thuế	0.13	0.10	30.3%	0.18	0.14	32.0%
Lợi nhuận sau thuế	0.06	0.08	-26.1%	0.06	0.11	-44.0%
LNST của CĐ cty mẹ	0.06	0.08	-26.1%	0.06	0.11	-44.0%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	32.4	-30.5	-0.01	30.0	0.00	0.08
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	5.70	-7.71	0	-30.0	0	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.00	0.00	0.00	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0.15	38.2	0.01	0.00	0.01	0.00
Lưu chuyển tiền thuần	38.1	-38.2	-0.01	0.00	0.00	0.08
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	38.2	0.01	0.00	0.01	0.00	0.08

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	51.1	50.4	1.4%
Tài sản ngắn hạn	13.2	12.7	4.1%
Tiền và tương đương tiền	0.08	0.01	1053%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	4.31	4.64	-7.1%
Hàng tồn kho	0.01	0.07	-80.6%
Tài sản ngắn hạn khác	8.80	7.97	10.4%
Tài sản dài hạn	37.9	37.7	0.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0.11	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	37.7	37.7	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.05	0.00	184178%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	7.56	6.94	9.0%
Nợ ngắn hạn	7.56	6.94	9.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	4.53	4.98	-9.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	43.5	43.5	0.1%
Vốn chủ sở hữu	43.5	43.5	0.1%
Vốn điều lệ	35.0	35.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

